

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày

tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 26/01/2022
(Từ 17h00 ngày 25/01/2022 đến 17h00 ngày 26/01/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	17	8	9	0	0	0	4164	1499	4017	31
2	H. Lắk	19	0	19	0	0	0	993	840	731	1
3	H. Krông Bông	0	0	0	0	0	0	379	149	318	0
4	H. Krông Buk	3	0	1	1	0	1	1166	985	990	7
5	H. Ea H'Leo	8	8	0	0	0	0	640	120	530	2
6	H. Krông Pắc	0	0	0	0	0	0	773	246	590	6
7	H. Krông Ana	4	3	1	0	0	0	1028	608	908	3
8	H. Cư M'Gar	88	14	66	0	8	0	1786	1057	1320	9
9	H. Ea Súp	0	0	0	0	0	0	379	115	292	1
10	H. M'Đrăk	1	0	0	0	0	1	487	345	260	0
11	H. Krông Năng	3	1	2	0	0	0	433	265	334	3
12	H. Ea Kar	7	6	1	0	0	0	715	307	558	0
13	H. Buôn Đôn	13	7	5	0	0	1	359	130	185	1
14	H. Cư Kuin	2	2	0	0	0	0	953	555	901	5
15	TX. Buôn Hồ	9	2	4	1	0	2	1459	663	1239	16
	TỔNG	174	51	108	2	8	5	15714	7884	13173	85

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã ghi nhận **15.714** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **13.173** trường hợp xuất viện, **85** trường hợp tử vong (02 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **2.456** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **50,2%** số ca mắc
- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **840,6/100.000** dân
- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.
- Chi tiết một số chùm ca bệnh (theo phụ lục 1)

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	0	74	4			
2	TP.BMT	14	243	51	38	2484	631
3	TX. Buôn Hồ	1	87	2	43	2196	1072
4	H. Ea H'Leo	-	16	0	-	618	77
5	H.Krông Năng	0	0	0	2	934	389
6	H. Cư M'Gar	35	402	10	43	2953	464
7	H. M'Đrăk	1	377	7	186	3269	1261
8	H. Ea Kar	-	435	278	-	2776	763
9	H. Krông Pắc	0	51	21	13	3108	676
10	H. Krông Bông	0	58	3	215	5905	2538
11	H. Krông Ana	0	17	0	13	430	123
12	H. Cư Kuin	0	0	0	10	888	282
13	H. Lắk	0	0	0	25	761	234
14	H. Buôn Đôn	3	122	59	11	1894	664
15	H. Ea Sup	0	0	0	40	2001	328
16	H. Krông Buk	0	0	0	25	718	275
	TỔNG	54	1882	435	664	30935	9777

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 311 khu vực; đã giải tỏa: 291 khu vực
- Còn lại: 20 khu vực đang phong tỏa.

(Cập nhật chi tiết tại đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FToKXiONnwUTEK7VqfBp22Rf71yBI7lxSDYjd2ZWtqo/edit#gid=644602066>)

c) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	144	97	1642
2	TX. Buôn Hồ	330	192	1872
3	H. Ea H'Leo	302	-	1878
4	H. Krông Năng	69	4	936
5	H. Cư M'Gar	217	41	1494
6	H. M'Đrăk	221	90	1527
7	H. Ea Kar	710	-	3885
8	H. Krông Pắc	1104	1115	10188
9	H. Krông Bông	313	190	3043
10	H. Krông Ana	0	0	280
11	H. Cư Kuin	12	8	401
12	H. Lắk	76	16	293
13	H. Buôn Đôn	312	0	799
14	H. Ea Sup	39	37	471
15	H. Krông Buk	0	3	28
	TỔNG	3849	1793	28737

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	7	0	1385	6	0	0	158	0	0
2	TP.BMT	241	17	6570	1004	0	0	0	0	0
3	TX. Buôn Hồ	174	10	1571	115	0	0	0	0	0
4	H. EaH'Leo	-	-	9894	86	-	-	0	0	0
5	H.Krông Năng	62	6	1069	117	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	198	33	4294	485	0	0	0	1	0
7	H. M'Đrăk	367	1	6916	271	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	-	-	4706	278	-	-	0	0	0
9	H. Krông Pắc	195	4	9524	263	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	31	1	4187	382	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	31	4	1910	165	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	12	2	555	95	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	82	19	1434	279	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	131	12	3718	146	0	0	91	4	7
15	H. Ea Sup	11	11	191	191	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	25	4	732	269	0	0	0	0	0
TỔNG		1567	124	58656	4152	0	0	322	70	7

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

a) Tổng số vắc xin đã nhận

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
TỔNG		3.120.498	3.167.243	101,5
1	AstraZeneca	774.950	869.752	112,2
2	Comirnaty	1.163.508	1.157.008	99,4
3	Moderna	121.800	116.659	95,8
4	Sinopharm	1.060.240	1.023.824	96,6

b) Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Mũi 1		Mũi 2		Mũi 3	
			Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)
1	18 tuổi trở lên	1.269.372	1.233.641	97,2	1.174.854	92,6	450.456	35,5
2	50 tuổi trở lên	361.984	353.653	97,7	343.534	94,9	82.583	22,8
3	65 tuổi trở lên	103.549	103.001	99,5	97.367	94,0	45.708	44,1
4	PNCT từ 13 tuần tuổi thai	22.934	22.669	98,8	21.612	94,2	4.046	17,6
5	TE 15-17 tuổi	80.616	78.390	97,2	71.174	88,3		
6	TE 12-14 tuổi	105.348	99.379	94,3	87.148	82,7		

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày: Tổng số bệnh nhân COVID-19: 15.714 trường hợp, có 13.173 trường hợp ra viện, 85 trường hợp tử vong, hiện còn điều trị 2.456 trường hợp.

- Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	375	366	27	0	0	36	0
2	BV Dã chiến 02	1500	654	608	40	1	0	85	0
3	TTYT Krông Búk	230	177	196	46	0	0	27	0
4	BV khu vực 333	300	226	194	15	0	0	47	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	100	80	74	7	1	0	12	0
6	BVĐK Vùng TN	92	38	38	4	0	0	2	2
	Tổng	3222	1550	1476	139	2	0	209	2

- Điều trị F0 tại nhà: mới 07 trường hợp, tích lũy **478** trường hợp, 326 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 07 trường hợp, hiện còn điều trị **145** trường hợp.

b) Phân loại tình trạng bệnh nhân

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n=1.476)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	187	179	0	0	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	388	220	0	0	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	186	10	0	0	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	95	99	0	0	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	58	16	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	3	4	15	14	2	0	0	0	0
	Tổng	859	512	73	30	2	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	58.2	34.7	4.9	2.0	0.1	0.0	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n=1.476)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	366	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	608	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	196	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	194	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	58	16	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	29	8	1	0	1	0
	Cộng	1451	24	1	0	1	0
	Tỷ lệ %	98.2	1.6	0.1	0.0	0.1	0.0

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều **238** nhân lực/ tổng **1.586** lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục 2*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- UBND tỉnh (*báo cáo*);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (*báo cáo*);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÁC CHÙM CA BỆNH

TT	Chùm ca bệnh	F0
1	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại thôn Nam Hòa, Xã Dray Bhang, Cư Kuin.	18
2	Liên quan Fo Y Ngheo Mgiáo tại buôn Drah 2, Cư Né, Krông Buk	55
3	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng, chưa rõ nguồn lây tại Buôn Mrông A, Mrông B, Mrông C, TDP 3A, 3B, 4- TT Ea Kar	138
4	Chùm ca bệnh tại Buôn Kô Siêr, P. Tân Lập, BMT	3
5	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, 2, 3, 7, 9, 11, 12, thôn 8, buôn Hluk, buôn Ciêt - xã Ea Tiêu, Cư Kuin. Lây sang thôn 4, Cư Ebur, BMT	149
6	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 22, 24, thôn 13, buôn Puk Prông- xã Ea Ning, Cư Kuin	34
7	Chùm ca bệnh liên quan BN điều trị nội trú tại BVĐK Vùng Tây Nguyên	61
8	Chùm ca bệnh cộng đồng tại buôn Tuôr A, Tuôr B, buôn Kala, buôn Anna - Xã Dray Sap, Krông Ana	148
9	Liên quan chùm ca bệnh tại 221, 189/1/45 Mai Hắc Đế, Tân Thành, BMT	10
10	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dong Băk, xã Yang Tao, Lăk. lây qua buôn Yok Đuôn	61
11	Liên quan chùm ca bệnh tại Pai Pi, xã Đăk Nuê, Lăk Fo Y Song Pang Ting. Lây sang buôn Mih, buôn Dham 2, buôn Kdie 1- Đăk Nuê	183
12	Chùm ca bệnh tại Thôn 1, 7,9, 11,thôn 12, Hòa Phú, BMT	34
13	Chùm ca bệnh tại buôn Dham, Xã Ea Bông, Krông Ana	96
14	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Sut Mdrang, Thôn 2, 3 Cư Suê, Cư M'Gar	42
15	Chùm ca bệnh tại buôn Hwiê, buôn Cư Mblim, buôn Kao, thôn 4, thôn 3, thôn Tân Hưng, Thôn Cao Thắng - xã Ea Kao, BMT	87
16	Chùm ca bệnh tại buôn Jiê Yuk, xã Đăk Phoi, Lăk	32
17	Liên quan đến chùm ca bệnh Buôn Mgam, buôn Mlôc B, buôn Tai - xã Krông Jing, M'Đrăk	28
18	Chùm ca bệnh tại Buôn Cuê, Xã Băng Adrênh, Krông Ana. Lây sang buôn K62, Băng Adrênh.	72
19	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dur Kmal, xã Dur Kmal, Krông Ana.	26
20	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Kruê, Ea Bông, Krông Ana	4
21	Liên quan chùm ca bệnh tại Cư Huê, Ea Kar	37
22	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Suk, buôn Tong Sinh, Xã Ea Đar, Ea Kar	16
23	Liên quan chùm xã Hòa Tân, Huyện Krông Bông, Đăk Lăk	30
24	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ga, Xã Ea Kmút, Ea Kar	30
25	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mùi 2, Mùi 3- Cư Né, Krông Búk	58
26	Liên quan chùm ca bệnh thôn Đăk Rmút, Xã Krông Nô. Lăk	16
27	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Yol, Đăk Nuê, Lăk	52
28	Chùm ca bệnh tại thôn Quỳnh Tân 2, Quỳnh Tân 3, TT Buôn Tráp, Krông Ana	19
29	Liên quan chùm ca bệnh tại TDP2, TDP3, TDP5, TDP 7, TDP 9, Phường Tân Hòa, BMT	24
30	Chùm ca bệnh tại thôn 13, 14, Ea Tút, xã Pong Drang, Krông Buk	27
31	Chùm ca bệnh tại buôn Yon, Xã Bông Krang, Huyện Lăk	6
32	Chùm ca bệnh tại Cư Mlan, Ea Súp lây sang buôn Păn Lăm, P Tân Lập, BMT	32
33	Chùm ca bệnh tại chợ TT Ea Súp, Ea Súp	100
34	Chùm ca bệnh tại buôn Yông Hắt, Krông Nô, Lăk	201
35	Liên quan chùm ca bệnh tại KCN Hòa Phú, BMT	12
36	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Yông B, Tah A, Tah B – xã Ea Đơng, Cư M'Gar	25
37	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Krông Kmar, Krông Bông	7
38	Chùm ca bệnh tại buôn Hma, Ea Bông, Krông Ana	7
39	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn Ea Pông, xã Ea Sin, Krông Buk	51
40	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Ktur, Cư Kuin	18
41	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Mao, Kon Tây – xã Ea Yiêng, Krông Pắc	48
42	Liên quan chùm ca bệnh tại Cai A, Trang Yôk – Krông Nô, Lăk	10

TT	Chùm ca bệnh	F0
43	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, thôn 4 – Cư Ebur - BMT	69
44	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Xê Đăng, xã Ea Sar, huyện Ea Kar	114
45	Liên quan chùm ca bệnh tại Xã Quảng Hiệp, Quảng Tiến, Cư M'Gar	35
46	Liên quan chùm ca bệnh tại 116/3/20 Y Moal, Phường Tân Lợi, BMT	19
47	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Dho, xã Cư Pong, Krông Buk	37
48	Liên quan chùm ca bệnh tại xã Ea Trang, M'Đrăk Lây sang Cư San	249
49	Liên quan chùm ca bệnh Cư Pui, Krông Bông	30
50	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mblót, xã Ea Bông, Krông Ana	8
51	Liên quan chùm ca bệnh buôn Kroa B, Cuôr Đăng, Cư M'Gar	6
52	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Quảng Phú, Cư M'Gar	25
53	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 3 – Ea Pil – M'Đrăk	23
54	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Ea Bơ, Cư Pong, Krông Buk	15
55	Chùm ca bệnh Buôn Tuôr, Hòa Phú, BMT	48
56	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Hđing, Xã Cư Dliêng Mnông, Cư M'gar	148
57	Liên quan chùm ca bệnh tại chợ đầu mối Tân Hòa, BMT	11
58	Liên quan chùm ca bệnh Công ty Thiên Phúc, Cty Vinh Phúc - cuô Cư M'Gar	23
59	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Sút, TT Ea Pôk, Cư M'Gar	16
60	Liên quan chùm ca bệnh tại Thôn 9, Cuôr Knia, Buôn Đôn	8
61	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Tring 2, 3, 4. P An Lạc, Buôn Hồ	32
62	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Ea Súp, TT Ea Pôk, Cư M'Gar	13
63	Liên quan chùm ca bệnh tại Kna A, Kna B- TT Cư M'Gar	27

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ NHS /YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2	0								2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	0	0						11	0	11	20
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	16	33	3	6	4	2		10	11	85	237
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	13	25	2	2	3			8	6	59	71
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			0				5			5	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột						2	10	17		29	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0				0				0	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2	0	0	0			0		0	2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	3	8	8				0	6		25	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên	4	5				1				10	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3		0							0	0	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							0			0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long							0			0	70
19	Trường THCS Hòa Phú		0	0							0	40
TỔNG CỘNG		44	77	13	8	7	5	15	52	17	238	1586

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	39	73	13	9	7	3	0	0	13	157	754
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	5	1	1	3	1	0			0	11	82
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	9	14	1	0	0	1			5	30	86
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	6	1	8						1	16	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	2				0				3	25
1.6	Bệnh viện Y HCT		2		0	1				0	3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar	0	5	0							5	58
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc. mỹ phẩm. thực phẩm			0	3						3	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	0	0								0	8
1.10	TTYT huyện Lắk	3	5								8	18
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	0	2								2	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	0	0	0							0	17
1.13	TTYT huyện Krông Búk						0				0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		0								0	24
1.16	Bệnh viện Tâm thần	0	3			1					4	15
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2	0						0	3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng	0	2	0	0					0	2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	3	5			1					9	23
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	8
1.21	TTYT huyện Krông Ana		0								0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4	0	0					0	6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	8	16	2	3	3	1			7	40	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		6					0		0	6	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh	0									0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình	0	0		0						0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường ĐH. CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế							0			0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai	0	0							0	0	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh						0				0	2
8	Tình nguyện viên								64		64	103
TỔNG CỘNG		41	73	13	9	7	3	15	64	13	238	1586